

Bản án số: 1011/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
- Ông Võ Thành Viên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh H

Địa chỉ cư trú: Số A đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước L

Địa chỉ thường trú: Số A đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số C ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ánh H trình bày:

Bà H xây dựng gia đình cùng với ông Nguyễn Phước L vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp,

bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và nhiều mặt khác cũng không có sự thống nhất. Mỗi lần mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng cãi nhau là ông L đánh bà. Việc ông L bạo lực đối với bà xảy ra nhiều lần, bà có báo sự việc trên đến Công an Phường B, quận G, bà được biết công an có mời ông L đến làm việc, Công an làm việc với ông L như thế nào thì bà không rõ. Bà và ông L cũng rất nhiều lần giải quyết mâu thuẫn nhưng ông L vẫn không sửa đổi, nếu tiếp tục chung sống thì việc ông L bạo lực đối với bà có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và bà không thể kéo dài cuộc hôn nhân với ông L được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để sớm ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phước Gia Ng, sinh ngày 02/10/2022, hiện con chung Bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Phước L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện về ly hôn, yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông L có ký nhận các văn bản của Tòa. Tòa án không lấy được lời khai của ông L cũng như không nhận được các tài liệu chứng cứ do ông L cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 21/5/2024 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp cho ông L được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

+ Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng;

+ Thẩm quyền giải quyết: Thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền;

+ Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Ánh H ly hôn với ông Nguyễn Phước L.

- Về con chung: Giao cho Bà H chăm sóc, nuôi con chung tên Nguyễn Phước Gia Ng, sinh ngày 02/10/2022 cho đến khi trưởng thành. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Ánh H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Phước L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ông L có địa chỉ cư trú tại quận G, TP. Hồ Chí Minh, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông L có thay đổi chỗ ở, đến tạm trú tại địa chỉ: Số C ấp D, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - Bà Trần Thị Ánh H có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn - Ông Nguyễn Phước L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H và ông Nguyễn Phước L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho Bà H và ông L giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 24/9/2020, nên quan hệ hôn nhân giữa Bà H và ông L được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Bà H yêu cầu ly hôn với ông L do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm thương yêu, nuôi nấng, dạy dỗ con cái trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn cũng như việc nuôi con của đương sự để có cơ sở giải quyết vụ kiện. Kết quả xác minh Ủy ban nhân dân Phường B, quận G thể hiện, không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa Bà H và ông L. Tòa án xác minh tại Công an Phường B, quận G, kết quả xác minh có nội dung: Trong quá trình chung sống giữa Bà H và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Bà H có làm đơn trình báo Công an phường về việc bị ông L đánh gây thương tích. Công an phường đã mời ông L làm rõ sự việc, ông L thừa nhận khi vợ chồng có mâu thuẫn ông L đã đánh vào đầu và mặt Bà H gây thương tích. Công an có lập hồ sơ ghi nhận sự việc và đề nghị ông L cam kết không tái phạm. Qua kết quả xác minh từ Công an Phường B, quận G cho thấy mâu thuẫn vợ chồng Bà H và ông L rất trầm trọng, ông L có hành vi bạo lực gia đình, kết quả xác minh phù hợp với lời trình bày của Bà H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng ông L không đến Tòa, điều đó chứng tỏ ông L bỏ mặc, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Bà H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Xét việc nuôi con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 121/TLKS-BS ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Nguyễn Phước Gia Ng, sinh ngày 02/10/2022, cho thấy trẻ Gia Ngọc là con chung của Bà H và ông L. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy con trẻ cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của cha hoặc mẹ. Bà H có yêu cầu nuôi con, ông L không có ý kiến phản đối, không đến Tòa và hiện tại trẻ Gia Ngọc đang do Bà H nuôi dưỡng, do đó việc giao con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con trẻ. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao trẻ Nguyễn Phước Gia Ng, sinh ngày 02/10/2022 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của Bà H và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bà H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà H đã nộp theo biên lai thu số 0012914 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H được ly hôn với ông Nguyễn Phước L.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 60 ngày 24/9/2020 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Ánh H và ông Nguyễn Phước L hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phước Gia Ng, sinh ngày 02/10/2022 cho bà Trần Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông Nguyễn Phước L cấp dưỡng nuôi con.

ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ánh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Ánh H phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà H đã nộp theo biên lai thu số 0012914 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ánh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường B, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 5, quận Bình Thạnh,
TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế

